

# THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẬP QUÁN TRONG GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH TẠI VIỆT NAM

NGUYỄN BÉ LÊ\*

*Bài viết tập trung làm rõ cơ sở pháp lý của việc áp dụng tập quán trong giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình tại Việt Nam. Qua khảo sát thực tiễn áp dụng tập quán trong quá trình giải quyết các vụ việc, bài viết đánh giá những kết quả đạt được cũng như những hạn chế, vướng mắc phát sinh, từ đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng tập quán trong giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình tại Việt Nam hiện nay.*

*Từ khóa:* Áp dụng tập quán; hôn nhân gia đình; Tòa án; vụ việc; giải quyết.

*The article focuses on clarifying the legal basis for the application of customary practices in resolving marriage and family cases in Vietnam. By surveying the practical application of customary practices in the case-resolution process, the article evaluates outcomes and limitations and identifies difficulties arising from their application, thereby proposing several recommendations to improve the effectiveness of customary practices in resolving marriage and family cases in Vietnam at present.*

*Keywords:* Application of customary practices; marriage and family; courts; cases; resolution.

NGÀY NHẬN: 16/12/2025 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 20/3/2026 NGÀY DUYỆT: 17/4/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.363.2026.1484>

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam, yêu cầu nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật ngày càng trở nên cấp thiết. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới nhấn mạnh việc cần đổi mới tư duy, không chỉ dừng lại ở việc hoàn thiện hệ thống quy phạm mà còn phải bảo đảm tính khả thi, tính nhân văn và sự gắn kết với đời sống xã hội thực tiễn.

Việc ghi nhận tập quán trong pháp luật cho thấy nỗ lực của Nhà nước trong việc tôn

trọng và bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống phù hợp với tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Tuy nhiên, giữa quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng vẫn tồn tại khoảng cách đáng kể. Trước yêu cầu đổi mới tư pháp và hoàn thiện hệ thống pháp luật, việc nghiên cứu thực tiễn áp dụng tập quán trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc.

## 2. Cơ sở pháp lý

Hiến pháp năm 1959 quy định: “Các dân tộc có quyền duy trì hoặc sửa đổi phong tục

\* NCS của Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

tập quán, dùng tiếng nói chữ viết, phát triển văn hóa dân tộc mình”, *Hiến pháp* năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) tiếp tục khẳng định quyền giữ gìn, phát huy phong tục, tập quán tốt đẹp.

Ở cấp độ luật, Điều 9 *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 1959 bước đầu cho phép áp dụng tập quán: “Đối với những người khác có họ trong phạm vi năm đời hoặc có quan hệ thích thuộc về trực hệ thì việc kết hôn sẽ giải quyết theo phong tục tập quán”. Đồng thời, Điều 9 *Bộ luật Dân sự* năm 1972 cũng ghi nhận việc áp dụng tục lệ khi không có điều luật điều chỉnh.

*Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2000 đã phát triển rõ hơn khi quy định: “Trong quan hệ hôn nhân và gia đình, những phong tục, tập quán thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc mà không trái với những nguyên tắc quy định tại *Luật* này thì được tôn trọng và phát huy”. Nghị định số 32/2002/NĐ-CP ngày 27/3/2002 của Chính phủ quy định việc áp dụng *Luật Hôn nhân và gia đình* đối với các dân tộc thiểu số, trong đó quy định: “Phong tục, tập quán tốt đẹp... thì được tôn trọng và phát huy...; phong tục, tập quán lạc hậu... thì bị nghiêm cấm hoặc vận động xóa bỏ”. Bên cạnh đó, Điều 3 *Bộ luật Dân sự* năm 2005 xác lập nguyên tắc áp dụng tập quán khi pháp luật không có quy định và các bên không có thỏa thuận, với điều kiện không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự. Đồng thời, Điều 100 *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2000 cũng ghi nhận việc áp dụng tập quán quốc tế trong các quan hệ có yếu tố nước ngoài cho thấy, phạm vi áp dụng tập quán được mở rộng.

*Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014 quy định cụ thể về việc áp dụng tập quán trong các quan hệ hôn nhân và gia đình. Theo khoản 4 Điều 3, tập quán về hôn nhân và gia đình là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng về quyền, nghĩa vụ của các bên, được lập đi lập lại trong thời gian dài và được thừa nhận rộng rãi trong một vùng, miền hoặc cộng đồng. Khoản 1 Điều 4 khẳng định Nhà nước có

chính sách bảo hộ hôn nhân, gia đình; tạo điều kiện cho nam, nữ kết hôn tự nguyện, tiến bộ, bình đẳng; đồng thời, tuyên truyền, vận động nhân dân xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu và phát huy các tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc dân tộc. Điều 7 quy định, trong trường hợp pháp luật không quy định và các bên không có thỏa thuận thì có thể áp dụng tập quán tốt đẹp, không trái với nguyên tắc của *Luật* và không vi phạm điều cấm. Điều 20 xác định việc lựa chọn nơi cư trú của vợ, chồng hoàn toàn do hai bên thỏa thuận, không bị ràng buộc bởi phong tục, tập quán hay địa giới hành chính. Ngoài ra, Điều 121 quy định: Nhà nước Việt Nam bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân ở nước ngoài trong quan hệ hôn nhân và gia đình, phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật nước sở tại cũng như pháp luật và tập quán quốc tế.

*Bộ luật Dân sự* năm 2015 quy định rõ về việc áp dụng tập quán trong các quan hệ dân sự. Theo Điều 5, tập quán là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng, được hình thành và lặp lại nhiều lần trong thời gian dài, được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trong một vùng, miền, dân tộc hoặc lĩnh vực dân sự, được áp dụng khi pháp luật không quy định và các bên không có thỏa thuận nhưng không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự. Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự phải bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, tôn trọng và phát huy phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp (Điều 7). Một số điều khoản khác cũng thể hiện vai trò của tập quán: họ của con được xác định theo tập quán nếu cha mẹ không có thỏa thuận (Điều 26); dân tộc của con được xác định theo tập quán trong trường hợp cha mẹ khác dân tộc và không có thỏa thuận (Điều 29); quyền sở hữu chung có thể được xác lập theo tập quán (Điều 208); sở hữu chung của cộng đồng được hình thành và quản lý theo tập quán vì lợi ích chung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội (Điều 211). Những quy định này cho thấy, pháp luật dân sự Việt Nam thừa nhận giá trị của tập quán như một nguồn bổ trợ quan trọng trong việc điều chỉnh các quan hệ dân sự.

Theo Điều 45 *Bộ luật Tố tụng Dân sự* năm 2015, khi xử lý những vụ việc dân sự mà pháp luật chưa có quy định hoặc các bên không thỏa thuận, Tòa án được áp dụng tập quán: đương sự có quyền viện dẫn tập quán, Tòa án phải xác định giá trị áp dụng của tập quán theo quy định tại Điều 5 *Bộ luật Dân sự* và khi có nhiều tập quán khác nhau, áp dụng tập quán được thừa nhận tại nơi phát sinh vụ việc.

Pháp luật Việt Nam đã xác lập vị trí pháp lý của tập quán như một nguồn bổ sung cho pháp luật thành văn, trao cho đương sự quyền viện dẫn và giao Tòa án trách nhiệm xem xét giá trị áp dụng của tập quán. Tuy nhiên, các quy định mới chỉ dừng ở nguyên tắc chung, chưa có tiêu chí nhận diện tập quán hợp pháp hay hướng dẫn cụ thể về xác minh chứng cứ, nên thực tiễn áp dụng còn hạn chế và lúng túng ở nhiều địa phương.

### 3. Thực tiễn áp dụng tập quán trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình hiện nay

Để thi hành *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành *Luật Hôn nhân và gia đình*, trong đó tại Điều 6 hướng dẫn: “Trong thời hạn ba năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt danh mục các tập quán về hôn nhân và gia đình được áp dụng tại địa phương”. Ngày 21/5/2024, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2563/BTP-PLDSKT gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn về hình thức văn bản của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục tập quán về hôn nhân và gia đình áp dụng tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, theo đó, căn cứ vào các quy định của *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014 và Nghị định số 126/2014/NĐ-CP, Bộ Tư pháp đề nghị UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, trình HĐND cùng cấp nghị quyết phê duyệt danh mục các tập quán về hôn nhân và gia đình được áp dụng tại địa phương theo

trình tự, thủ tục quy định của *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* và văn bản hướng dẫn thi hành *Luật* này.

Ngoài ra, Tòa án nhân dân tối cao đã có Văn bản số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ. Văn bản này hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng tập quán mà các bên có viện dẫn tập quán khác nhau. Theo đó, “khi xem xét, quyết định áp dụng tập quán thì Tòa án căn cứ Điều 3, Điều 5 và các quy định khác của *Bộ luật Dân sự* năm 2015; Điều 45 *Bộ luật Tố tụng dân sự* năm 2015, tùy từng trường hợp cụ thể giải quyết như sau: tập quán có giá trị áp dụng là tập quán không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 *Bộ luật Dân sự* năm 2015. Trường hợp có nhiều tập quán thì áp dụng tập quán do các bên thỏa thuận; nếu các đương sự viện dẫn các tập quán khác nhau thì tập quán có giá trị áp dụng là tập quán được thừa nhận tại nơi phát sinh vụ việc dân sự” (mục III.1).

Tuy nhiên, sau hơn 10 năm thi hành *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014 và Nghị định số 126/2014/NĐ-CP, thực tế cho thấy, nhiệm vụ này vẫn chưa đạt được kết quả như mong đợi. Phần lớn các địa phương chưa xây dựng được danh mục tập quán về hôn nhân và gia đình được áp dụng tại địa phương, mặc dù Bộ Tư pháp đã nhiều lần có văn bản hướng dẫn cụ thể, làm căn cứ để địa phương triển khai nhiệm vụ được giao.

Qua khảo sát tại các tỉnh đã công bố các bản án có áp dụng tập quán trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình, như: Cần Thơ, Tiền Giang, Vĩnh Long, Long An, Cà Mau, Tuyên Quang, Yên Bái, Cao Bằng, Sơn La, Thanh Hóa, Đắk Lắk, có 82% người trả lời đang công tác tại Tòa án nhân dân, phản ánh sát thực tế xét xử.

Kết quả khảo sát, có 76% số người đánh giá tập quán là yếu tố quan trọng hoặc rất quan trọng trong giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình, cho thấy sự thừa nhận rộng rãi vai trò của tập quán trong đời sống pháp lý và xã hội. Tuy nhiên, chỉ 27% cho biết, Tòa

án đã từng áp dụng tập quán trong xét xử, trong khi 59% cho rằng, chưa từng áp dụng và 14% không rõ. Điều này phản ánh tập quán vẫn chủ yếu được vận dụng ở một số địa phương có đặc trưng văn hóa dân tộc hoặc vùng nông thôn, trong khi pháp luật thành văn vẫn là căn cứ chính.

Các vụ việc liên quan đến tập quán cưới hỏi, hôn nhân không đăng ký xuất hiện khá phổ biến, khi 64% số người cho biết Tòa án đã thường xuyên hoặc thỉnh thoảng giải quyết loại vụ việc này. Ngoài ra, 42% cho biết, đã từng vận dụng tập quán để xác định nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng và 74% đánh giá việc áp dụng tập quán trong xác định quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con cái là phù hợp hoặc rất phù hợp với thực tiễn địa phương.

Trong quan hệ về tài sản, có 37% người cho biết, Tòa án đã từng áp dụng tập quán liên quan đến con nuôi, thứ tự con cái, quyền con trưởng, con út và 32% từng giải quyết vụ việc có yếu tố tập quán trong phân định tài sản chung, riêng của vợ chồng. Tuy nhiên, chỉ 36% cho biết, tập quán được xem xét trong chia tài sản khi ly hôn, cho thấy mức độ vận dụng chưa thống nhất.

Những khó khăn lớn nhất trong áp dụng tập quán được chỉ ra gồm: thiếu quy định pháp lý cụ thể (65%), khó chứng minh tập quán (58%) và mâu thuẫn giữa tập quán với pháp luật hiện hành (42%). Đáng chú ý, chỉ 19% số người cho biết, Tòa án nơi công tác có quy trình thu thập, kiểm chứng tập quán, trong khi 81% thừa nhận chưa có hoặc không rõ quy trình.

Về phương thức xác minh, 40% Tòa án thường mời già làng, người có uy tín làm chứng; 22% tham khảo ý kiến chính quyền cấp xã; có 30% yêu cầu đương sự cung cấp bằng chứng. Hình thức áp dụng phổ biến nhất là ghi nhận trong lập luận bản án (45%), tiếp đến là chỉ xem xét tham khảo (36%), trong khi 13% quyết định trực tiếp theo tập quán.

Đa số người khảo sát đồng thuận với nhu cầu hoàn thiện cơ chế pháp lý: 70% đề nghị

Tòa án nhân dân Tối cao ban hành hướng dẫn thống nhất, 58% đề xuất xây dựng danh mục tập quán hợp pháp và 48% kiến nghị tăng cường đào tạo kiến thức tập quán cho thẩm phán.

Để củng cố cơ sở thực tiễn cho các kiến nghị hoàn thiện cơ chế áp dụng tập quán, tác giả đã tiến hành phỏng vấn sâu 9 chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn tại các vùng, miền. Kết quả phỏng vấn cho thấy, sự thống nhất tương đối cao về vai trò, bất cập và định hướng hoàn thiện việc áp dụng tập quán trong hệ thống Tòa án Việt Nam hiện nay.

Về khung pháp lý hiện hành, 7/9 chuyên gia nhận định pháp luật chưa xác lập rõ vị trí của tập quán, các quy định trong *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014 và *Bộ luật Dân sự* năm 2015 mới dừng ở mức khung, thiếu hướng dẫn cụ thể về phạm vi, nội dung và phương thức áp dụng. Điều này dẫn đến sự khác biệt trong vận dụng giữa các Tòa án, thậm chí có nơi né tránh viện dẫn tập quán khi xét xử.

Đối với tiêu chí xác định tập quán hợp pháp, đa số chuyên gia cho rằng, khái niệm “không trái đạo đức xã hội” còn mang tính định tính, dễ dẫn đến cách hiểu khác nhau. Các chuyên gia đề xuất xây dựng bộ tiêu chí nhận diện tập quán hợp pháp, gồm: tính phổ biến và ổn định trong cộng đồng, không vi phạm quyền con người, bảo đảm bình đẳng giới, được cộng đồng thừa nhận và có khả năng xác minh. Có 8/9 chuyên gia khẳng định cần có văn bản hướng dẫn hoặc phụ lục tiêu chí thống nhất áp dụng trên toàn quốc.

Về danh mục tập quán đặc thù, có 6/9 chuyên gia ủng hộ việc xây dựng hệ thống tập quán có thể áp dụng trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình nhằm chuẩn hóa và hạn chế sự tùy nghi của thẩm phán. Tuy nhiên, 3/9 chuyên gia đề xuất danh mục chỉ nên mang tính mở và được cập nhật định kỳ để bảo đảm tính linh hoạt.

Qua khảo sát, có 9 chuyên gia thống nhất rằng, Tòa án là chủ thể trung tâm trong việc xác minh, đánh giá và áp dụng tập quán. Tuy

nhiên, 7/9 người được hỏi cho rằng, hiện thiếu cơ chế phối hợp chính thức giữa Tòa án với chính quyền địa phương, già làng, trưởng bản và người có uy tín. Có 6 chuyên gia đề xuất xây dựng quy chế phối hợp liên ngành và đưa quy trình xác minh tập quán vào hướng dẫn nghiệp vụ xét xử để tăng tính khách quan và độ tin cậy của bản án.

Đối với văn bản hướng dẫn áp dụng, đa số chuyên gia đề nghị ban hành Thông tư liên tịch giữa Tòa án nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp, quy định rõ nguyên tắc áp dụng, tiêu chí nhận diện, trình tự xác minh và phương thức viện dẫn tập quán trong bản án. Một số chuyên gia cũng ủng hộ việc ban hành án lệ về tập quán điển hình, nhưng chỉ áp dụng với các tập quán phổ biến, ổn định và được cộng đồng chấp nhận rộng rãi.

#### 4. Những vấn đề đặt ra từ thực tiễn áp dụng tập quán trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình

Mặc dù tập quán đã được pháp luật Việt Nam ghi nhận như một nguồn bổ sung trong điều chỉnh các quan hệ hôn nhân và gia đình, song kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ các Tòa án vận dụng tập quán trong xét xử còn thấp, chỉ khoảng 27%, trong khi hơn 70% cán bộ và thẩm phán thừa nhận tập quán có vai trò quan trọng. Sự chênh lệch này phản ánh rõ những hạn chế trong cơ chế pháp lý, tổ chức thực thi và nhận thức của chủ thể áp dụng pháp luật.

*Thứ nhất*, khung pháp lý hiện hành còn thiếu tính cụ thể và khả năng thực thi. *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014 và *Bộ luật Dân sự* năm 2015 mới dừng ở việc khẳng định nguyên tắc cho phép áp dụng tập quán tốt đẹp không trái đạo đức xã hội, nhưng chưa xác định rõ tiêu chí thế nào là “tập quán hợp pháp”, cũng như chưa có hướng dẫn về quy trình, thủ tục xác minh và chứng minh tập quán. Điều này khiến cho việc áp dụng phụ thuộc vào nhận định cá nhân của thẩm phán, dẫn đến tình trạng cùng một loại vụ việc nhưng các Tòa án khác nhau có thể đưa ra phán quyết khác nhau.

*Thứ hai*, khó khăn trong việc xác định và chứng minh tập quán. Tập quán tồn tại chủ yếu dưới hình thức truyền miệng hoặc qua thực hành xã hội, ít được ghi chép thành văn bản. Khi đương sự viện dẫn tập quán, Tòa án gặp nhiều trở ngại trong việc kiểm chứng, nhất là tại những vùng có nhiều dân tộc cùng sinh sống hoặc nơi phong tục đã biến đổi theo thời gian. Việc thiếu cơ chế phối hợp giữa Tòa án với chính quyền địa phương, người có uy tín trong cộng đồng hay tổ chức xã hội dẫn đến tính khách quan và độ tin cậy của việc xác định tập quán chưa cao.

*Thứ ba*, thiếu tính thống nhất trong nhận thức và áp dụng giữa các cấp Tòa án. Do chưa có văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể, việc viện dẫn và phân tích tập quán trong bản án còn tùy nghi. Một số Tòa án chỉ xem tập quán như yếu tố tham khảo, trong khi số khác lại sử dụng làm căn cứ trực tiếp để ra phán quyết. Sự khác biệt này ảnh hưởng đến nguyên tắc thống nhất trong xét xử, làm giảm tính dự đoán và thuyết phục của bản án.

*Thứ tư*, nguy cơ mâu thuẫn giữa tập quán và các nguyên tắc pháp lý cơ bản. Một số tập quán vẫn chứa đựng yếu tố bất bình đẳng giới, định kiến dân tộc hoặc xâm phạm quyền nhân thân. Chẳng hạn, tập quán về quyền thừa kế ưu tiên con trai, hoặc quan niệm “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” trong hôn nhân vẫn tồn tại ở một số vùng. Việc vận dụng không kiểm soát những tập quán này có thể đi ngược lại các nguyên tắc bình đẳng và bảo vệ quyền con người được ghi nhận trong *Hiến pháp* và luật quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*Thứ năm*, năng lực và nhận thức của đội ngũ áp dụng tập quán không đồng đều. Kết quả khảo sát cho thấy, 58% thẩm phán và thư ký gặp khó khăn trong việc xác định tập quán, trong khi chỉ 19% cho biết đơn vị công tác có quy trình thu thập hoặc hướng dẫn nghiệp vụ. Điều này cho thấy, nội dung về tập quán vẫn chưa được trang bị đầy đủ trong đào tạo pháp lý và bồi dưỡng chuyên môn. Bên cạnh đó, nhiều cán bộ còn e ngại viện dẫn tập quán do sợ bị đánh giá là thiếu căn cứ pháp luật.

*Thứ sáu*, thiếu cơ sở dữ liệu và cơ chế bảo tồn tập quán tiến bộ. Hiện nay chưa có hệ thống lưu trữ hoặc danh mục tập quán được công nhận chính thức, khiến việc tra cứu, viện dẫn và đối chiếu giữa các vụ việc gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, nhiều tập quán tốt đẹp đang dần mai một, không được ghi nhận kịp thời để phát huy giá trị trong đời sống pháp lý.

### 5. Một số kiến nghị

*Một là*, cần sửa đổi, bổ sung *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014, định nghĩa rõ khái niệm “tập quán” và quy định tiêu chí nhận diện tập quán hợp pháp, như: phổ biến, ổn định, được cộng đồng thừa nhận, không trái đạo đức xã hội, quyền con người và bình đẳng giới. Đồng thời, cần ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết về kỹ thuật áp dụng tập quán trong xét xử.

*Hai là*, xây dựng tiêu chí nhận diện tập quán hợp pháp, trình tự xác minh, trách nhiệm của Tòa án và các cơ quan phối hợp; đồng thời, quy định tiêu chuẩn chứng cứ, phương pháp kiểm chứng, bảo đảm quyền con người và bình đẳng giới, loại trừ tập quán lạc hậu. Theo đó, Hội đồng Thẩm phán nên ban hành phụ lục giải thích nguồn gốc, tiêu chí lựa chọn và quá trình xác minh nhằm tăng tính minh bạch và khả năng tham chiếu.

Tòa án nhân dân tối cao cần ban hành Nghị quyết viện dẫn tập quán theo *Bộ luật Tố tụng Dân sự*, xây dựng danh mục tập quán tham khảo phân theo vùng, dân tộc và thiết lập ngân hàng tập quán làm cơ sở dữ liệu chung. Việc xây dựng ngân hàng tập quán quốc gia và quy chế phối hợp giữa Tòa án, chính quyền địa phương và người có uy tín trong cộng đồng sẽ bảo đảm tính khách quan, minh bạch và khả năng kiểm chứng trong quá trình áp dụng tập quán, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình.

*Ba là*, đào tạo, bồi dưỡng về áp dụng tập quán, kỹ năng xác minh chứng cứ văn hóa và phân tích tình huống điển hình. Việc tổ chức hội thảo, trao đổi kinh nghiệm xét xử giữa các

tòa án, đặc biệt ở vùng đa dạng văn hóa sẽ giúp chuyển hóa quy định pháp luật thành hành động cụ thể trong thực tiễn.

### 6. Kết luận

Việc áp dụng tập quán trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình tại Việt Nam là biểu hiện sinh động của sự kết hợp giữa pháp luật thành văn và các giá trị văn hóa truyền thống trong điều chỉnh các quan hệ xã hội. Hiện nay, tập quán đã được ghi nhận với tư cách là nguồn bổ trợ quan trọng, góp phần nâng cao tính linh hoạt và khả năng thích ứng của pháp luật trong thực tiễn giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cho thấy, vẫn còn những hạn chế nhất định, do đó, việc tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật; đồng thời, nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng tập quán của các chủ thể có thẩm quyền là yêu cầu cần thiết nhằm phát huy hiệu quả vai trò của tập quán, góp phần bảo đảm giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình một cách hợp lý, nhân văn và phù hợp với thực tiễn xã hội Việt Nam □

#### Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Bé Lê (2021). *Điều kiện áp dụng tập quán trong giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình tại Tòa án nhân dân*. Tạp chí Công Thương, số 4, tháng 2/2021.
2. Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự* năm 2015.
3. Quốc hội (2013, 2025). *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).
4. Quốc hội (2014). *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014.
5. *Một số vấn đề lý luận về lựa chọn và công nhận tập quán nhằm tạo nguồn áp dụng trong quản lý xã hội của Nhà nước*. <https://www.quanlynhanuoc.vn>, ngày 12/7/2022.
6. *Kết quả khảo sát thực tiễn về: Áp dụng tập quán trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình tại Việt Nam ở các địa phương: Cần Thơ, Tiền Giang, Vĩnh Long, Long An, Cà Mau, Tuyên Quang, Yên Bái, Cao Bằng, Sơn La, Thanh Hóa, Đắk Lắk*, từ tháng 9/2023 - 11/2025.
7. *Kết quả phỏng vấn chuyên sâu về áp dụng tập quán trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình tại Việt Nam đối với các chuyên gia*, từ tháng 9/2023 - 11/2025.